

Số: *660* /TB-ĐHTN

Đắk Lắk, ngày *30* tháng *3* năm 2017

THÔNG BÁO

Tuyển sinh thạc sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế đợt 1 năm 2017

Căn cứ Quyết định số 894/QĐ-BGDĐT ngày 22 tháng 3 năm 2017 về việc giao cho Trường Đại học Tây Nguyên đào tạo chuyên ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Tây Nguyên thông báo kế hoạch tổ chức tuyển sinh trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế đợt 1 năm 2017 như sau:

1. CHUYÊN NGÀNH TUYỂN SINH, THỜI GIAN LÀM BÀI

1.1. Chuyên ngành tuyển sinh: Quản lý kinh tế Mã số: 60340410

1.2. Thời gian làm bài thi:

- Môn Tiếng Anh: Thi các kỹ năng Đọc - Viết trình độ B, thời gian làm bài 120 phút;
- Môn Cơ bản (Quản lý học), Cơ sở (Nguyên lý kinh tế): Thời gian làm bài 180 phút.

2. THỜI GIAN VÀ HÌNH THỨC ĐÀO TẠO

- Thời gian đào tạo: 2 năm.
- Hình thức đào tạo: Chính quy tập trung.

3. ĐIỀU KIỆN DỰ THI VÀ CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN

3.1. Điều kiện dự thi

- a) Về văn bằng:
 - Có bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi;
 - Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần, khác với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi phải bổ sung kiến thức các học phần được quy định tại **mục 3.3**.
- b) Lý lịch bản thân rõ ràng, không đang trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.
- c) Có đủ sức khỏe để học tập.
- d) Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn quy định.

3.2. Đối tượng và chính sách ưu tiên

- a) Đối tượng ưu tiên
 - Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực I trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hiện hành. Trong trường hợp này, phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;
 - Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;



- Con liệt sĩ;
- Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;
- Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên tại các địa phương được quy định là Khu vực I trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hiện hành;
- Con đẻ của người hoạt động kháng chiến, nạn nhân chất độc hóa học được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hóa học.

b) Mức ưu tiên

- Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên được cộng vào kết quả thi 10 điểm cho môn Tiếng Anh (thang điểm 100) nếu không thuộc diện được miễn thi ngoại ngữ và cộng 01 điểm (thang điểm 10) cho môn cơ bản.

3.3. Danh mục ngành đúng, phù hợp, ngành gần, ngành khác và các môn học bổ sung kiến thức

3.2.1. Danh mục ngành đúng, phù hợp, ngành gần, ngành khác

a) Ngành đúng, ngành phù hợp: Quản lý kinh tế

b) Ngành gần:

- Quản trị kinh doanh, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị khách sạn, Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống, Marketing, Bất động sản, Kinh doanh quốc tế, Kinh doanh thương mại, Khoa học quản lý, Quản trị văn phòng, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản lý công nghiệp, Quản lý tài nguyên và môi trường, Quản lý đất đai, Quản lý tài nguyên rừng;

- Tài chính - Ngân hàng, Bảo hiểm, Kế toán, Kiểm toán;

- Phát triển nông thôn, Kinh tế Nông nghiệp, Kinh tế quốc tế, Kinh tế Lâm nghiệp, Kinh tế thủy lợi, Kinh tế thủy sản, Kinh tế tài nguyên.

c) Các ngành khác: Tất cả các ngành không thuộc ngành đúng và ngành gần.

3.2.2. Các môn học bổ sung kiến thức

- Người học có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần phải học tối đa 03 học phần, người có bằng tốt nghiệp ngành khác phải học tối đa 08 học phần như bảng dưới đây. Nhà trường sẽ căn cứ trên bảng điểm đại học để xác định số học phần được miễn học chuyển đổi của từng học viên.

Số học phần tối đa phải bổ sung kiến thức

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Ngành gần	Ngành khác
1.	Khoa học quản lý	2	x	x
2.	Quản lý công	2	x	x
3.	Quản trị nhân sự	2	x	x
4.	Kinh tế vi mô	2		x
5.	Kinh tế vĩ mô	2		x
6.	Nguyên lý thống kê	2		x
7.	Kinh tế công cộng	2		x
8.	Kinh tế phát triển	2		x

- Mức đóng học phí các học phần bổ sung kiến thức theo mức học phí quy định đối với hệ đại học.

4. MIỄN THI NGOẠI NGỮ ĐỐI VỚI NGƯỜI DỰ THI

Người đăng ký dự thi được miễn thi môn ngoại ngữ nếu có các văn bằng, chứng chỉ sau đây:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;

b) Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam hoặc bằng kỹ sư chất lượng cao (PFIEV) được ủy ban bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận, có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng;

c) Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài;

d) Có chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tối thiểu từ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương được quy định tại bảng dưới đây trong thời hạn 2 năm từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự thi, được cấp bởi một cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép hoặc công nhận:

Tiếng Anh

Khung năng lực ngoại ngữ VN	IELTS	TOEFL	TOEIC	Cambridge Exam	BEC	BULATS	Khung Châu Âu (CEFR)
Cấp độ 3	4.5	450 PBT 133 CBT 45 iBT	450	Preliminary PET	Business Preliminary	40	B1

(Các điểm số nêu trên là điểm tối thiểu cần đạt được)

Một số tiếng khác

Khung năng lực ngoại ngữ VN	tiếng Nga	tiếng Pháp	tiếng Đức	tiếng Trung	tiếng Nhật
Cấp độ 3	TRKI 1	DELFB1 TCF niveau 3	B1 ZD	HSK cấp độ 3	JLPT N4

6. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ THI

- 1) Đơn xin dự thi (mẫu số 1);
- 2) Sơ yếu lý lịch (mẫu số 2) có xác nhận của cơ quan quản lý (đối với thí sinh được cơ quan cử đi), chính quyền địa phương nơi cư trú (đối với thí sinh tự do);
- 3) Bản sao hợp lệ: Bằng tốt nghiệp đại học, bảng điểm đại học;
- 4) Công văn giới thiệu đi dự thi của thủ trưởng cơ quan quản lý (không yêu cầu đối với thí sinh tự do);
- 5) Giấy chứng nhận đủ sức khỏe để học tập do bệnh viện đa khoa cấp, thời gian không quá 12 tháng;

6) Bản sao có công chứng các quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động dài hạn chờ tuyển dụng để chứng nhận thời gian thâm niên công tác;

7) Bản sao có công chứng giấy tờ hợp pháp về đối tượng ưu tiên (nếu có);

8) Ba ảnh màu cỡ 3×4 (chụp năm 2017), mặt sau ghi rõ họ tên và ngày, tháng, năm sinh của thí sinh;

9) Hai phong bì có dán tem và ghi rõ số điện thoại, địa chỉ cần gửi cho thí sinh.

Hồ sơ đăng ký dự thi được đựng trong túi hồ sơ xếp theo thứ tự nêu trên.

Thí sinh chuẩn bị đầy đủ tất cả các giấy tờ trên, cho vào một túi đựng hồ sơ đăng ký dự thi (có bán tại Phòng Đào tạo Sau đại học, Trường Đại học Tây Nguyên).

Cơ sở đào tạo chỉ nhận hồ sơ đã đầy đủ các mục theo quy định.

7. LỆ PHÍ THI TUYỂN

- Lệ phí xét duyệt hồ sơ: 60.000 đồng/thí sinh

- Lệ phí ôn thi: 1.800.000 đồng/3 môn

- Lệ phí dự thi: 360.000 đồng/thí sinh,

8. THỜI GIAN THI TUYỂN

- Thời gian nhận hồ sơ: Từ ngày ra thông báo đến hết ngày 25 tháng 5 năm 2017;

- Thời gian ôn tập và học bổ sung kiến thức: Dự kiến từ ngày 01/6 đến 30/6/2017, tại Trường Đại học Tây Nguyên;

- Thời gian tổ chức thi: Dự kiến 14 -16/7/2017.

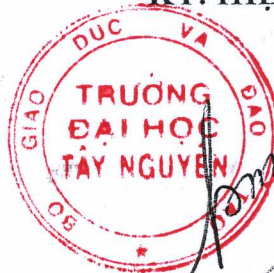
- **Địa chỉ liên hệ và nộp hồ sơ:** Phòng Đào tạo sau đại học, tầng 4, ký túc xá số 2, Trường Đại học Tây Nguyên, 567 Lê Duẩn, Tp. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk. ĐT: 0500.3850599.

- Thí sinh có thể theo dõi thông tin Sau đại học của Trường tại địa chỉ: www.taynguyenuni.edu.vn.

Nơi nhận:

- Các đơn vị liên quan;
- Hiệu trưởng (để BC);
- Lưu: VT, ĐTSĐH.

KT. HIỆU TRƯỞNG



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS-TS. Trần Trung Dũng